TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan;

2. Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 698/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1988; thường trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 98/6, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1987; thường trú: Thôn L), xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: 98/6, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức D tìm hiểu nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số 01/2010 ngày 06/5/2010. Hôn nhân của anh, chị là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh D thuê nhà trọ sống tại 98/6, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng theo đó cũng rạn nứt dần. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 08/10/2010. Chị H đồng ý giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đức D vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 08/8/2019 anh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D thống nhất với phần trình bày của chị Trịnh Thị H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Hiện vợ chồng đã ly thân, anh D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Thống nhất với lời trình bày của chị H quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 08/10/2010. Sau ly hôn anh D trực tiếp nuôi cháu Đ và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Trịnh Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con giữa chị với anh Nguyễn Đức D, anh D tạm trú tại 98/6, khu phố T, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án án tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Trịnh Thị H và bị đơn anh Nguyễn Đức D đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức D là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số 01/2010 ngày 06/5/2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh D đều trình bày cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm nên tình cảm vợ chồng rạn nứt dần. Cả chị H và anh D đều xác định vợ chồng không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Vì vậy, chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Trịnh Thị H.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức D thống nhất có 01 con chung Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 08/10/2010. Hiện tại cháu Đ đang sinh sống cùng anh D. Anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đại, chị H đồng ý, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đại. Vì vậy, giao cháu Đại cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đức D yêu cầu chị Trịnh Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng, chị H đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh D yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là phù hợp với nhận định của Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Thị H phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 338, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức D (Giấy chứng nhận kết hôn số 28, Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 06/5/2010).

2. Về con chung: Chị Trịnh Thị H giao cháu Nguyễn Đức Đ, sinh ngày 08/10/2010 cho anh Nguyễn Đức D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trịnh Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời

hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau ly hôn, chị Trịnh Thị H và anh Nguyễn Đức D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Chị H được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028933 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, chị H còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm